

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:27/2023/HS- ST
Ngày 08 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Khắc Tấn- Chủ tịch Hội Nông Dân

Bà Phùng Thị Mai Hương - Giáo viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huân - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:23/2023/TLST- HS ngày 13 tháng 7 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:21/2023/QĐXXST-HS ngày 26/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Trương Văn Đại; sinh ngày 11/7/2004; Nơi sinh: xã Hoạt G, huyện H, tỉnh T; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Trung C, xã Hoạt G, huyện Hà T, tỉnh Thanh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Hùng V; Con bà: Nguyễn Thị N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trương Văn Đ:

Bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ), sinh năm 1985

Trú quán: Thôn T, xã Hoạt G, huyện Hà T, T (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn Đ:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số 32 Đại Lộ Lê L, phường Đ, TP T (có mặt)

2. Trần Tuấn T; sinh ngày 21/8/2003; Nơi sinh: Xã Hoạt G, huyện H, tỉnh T; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Yên G, xã Hoạt G, huyện Hà T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn

giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn V; Con bà: Trương Thị T; Vợ, con: chưa; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2023; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện H, tỉnh T (có mặt).

3. Vũ Minh D1; sinh ngày: 14/02/2006; Nơi sinh: Xã Hoạt G, huyện H, tỉnh T; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã H, huyện H, tỉnh T; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Văn Đ, Con bà: Trương Thị D; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Minh D:

Bà Trương Thị D (mẹ đẻ)- sinh năm 1982

Trú quán: Thôn Y, xã Hoạt G, huyện H, T (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Minh D:

Bà Lê Thị P - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số 32 Đại Lộ L, phường Đ, TP T (có mặt)

- Đại diện trường phổ thông trung học H:

Bà Phạm Thị Thu T, giáo viên chủ nhiệm của bị cáo Vũ Minh D

Đ/c: Xã Hà B, huyện H, tỉnh T (có mặt).

4. Nguyễn Văn D2; sinh ngày 09/02/2007; Nơi sinh: Xã H, huyện H, tỉnh T; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đông V, xã Hà V, huyện Hà T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn P; Con bà: Hoàng Thị T; Vợ, con: chưa; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn D:

Bà Nguyễn Thị D (chị gái)- sinh năm 2001

Trú quán: Thôn Đông V, xã Hà V, huyện Hà T, tỉnh T (vắng mặt có lý do)

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D:

Bà Lê Thị P - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: Số 32 Đại Lộ L, phường Đ, TP T (có mặt).

5. Đặng Minh H (tên gọi khác: Bi b), sinh ngày 03/7/2006; Nơi sinh: Thị xã B, tỉnh T; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: số nhà 72G đường Nguyễn Văn C, Khu phố

12, phường N, thị xã B, tỉnh T ; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Quang T; Con bà: Nguyễn Thị G; Vợ, con: chưa; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Minh H:

Bà Nguyễn Thị G(mẹ đẻ) - sinh năm 1977

Trú quán: số nhà 72G đường Nguyễn Văn C, Khu phố 12, phường Ngọc T, thị xã B, tỉnh T (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Đặng Minh H:

Bà Nguyễn Thị Q- Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: Số 32 Đại Lộ L, phường Đ, TP (vắng mặt có lý do)

- Đại diện trường phổ thông trung học Lê Hồng Phong

Bà Lại Thị Lộc, giáo viên chủ nhiệm của Đặng Minh H

Địa chỉ: Đường Trần Phú, phường L, thị xã B, T (có mặt).

*** Những người làm chứng:**

1/ Anh Trịnh Mạnh K- sinh ngày 20/5/2008

Trú quán: Thôn Thanh N, xã Hoạt G, huyện H, tỉnh T

Người đại diện theo pháp luật của anh Trịnh Mạnh K:

Bà Trịnh Thị H(mẹ đẻ)

Trú quán: Thôn Thanh N, xã Hoạt G, huyện H, tỉnh T

2/ Anh Nguyễn Anh T- sinh ngày 16/8/2007

Trú quán: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Anh Tuấn:

Bà Hoàng Thị H(mẹ đẻ) sinh năm 1971

Nơi ĐKNKTT: Khu phố 2, phường P, thị xã B, tỉnh T

3/ Anh Lê Đức A- sinh ngày 18/10/2007

Trú quán: Khu phố 2, phường P, thị xã B, tỉnh T

Người đại diện theo pháp luật của anh Lê Đức A:

Ông Lê Ngọc Kiên G(bố đẻ) - sinh năm 1980

Trú quán: Khu phố 2, phường P, thị xã B, tỉnh T

4/ Anh Phạm Trần Thế M- sinh ngày 18/9/2007

Trú quán: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật của anh Phạm Trần Thế M:

Bà Nguyễn Thị Q (mẹ đẻ), sinh năm 1983

Trú quán: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh T.

5/ Anh Trương Nho K- sinh ngày 12/8/2005

Trú quán: SN 244 đường T, xóm C, phường L, thị xã B, tỉnh T

Người đại diện theo pháp luật của anh Trương Nho K:

Ông Trương Nho C (bố đẻ), sinh năm 1979

Trú quán: SN 244 đường T, xóm C, phường L, thị xã B, tỉnh T

6/ Anh Trần Đình V- sinh ngày 20/8/2005

Trú quán: Khu phố 6, phường L, thị xã B, tỉnh T

Người đại diện theo pháp luật của anh Trần Đình V:

Bà Vũ Thúy N(mẹ đẻ) - sinh năm 1980

Trú quán: Khu phố 6, phường L, thị xã B, tỉnh T.

7/ Anh Diệp Công T- sinh ngày 08/9/2004

Trú quán: Khu phố 2, phường N, thị xã B, tỉnh T

8/ Anh Bùi Quang K- sinh ngày 24/8/2007

Trú quán: SN 130 đường H, khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật của anh Bùi Quang K:

Ông Bùi Thanh Q (bố đẻ) - sinh năm 1972

Trú quán: SN 130 đường H, khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh T.

9/ Anh Lý Thanh T- sinh năm 1983

Trú quán: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh T

10/ Chị Nguyễn Thị Thùy L- sinh năm 1994

Trú quán: Khu phố 2, phường N, thị xã B, tỉnh T

11/ Anh Trần Anh D- sinh năm 1967

Trú quán: Khu phố 2, phường N, thị xã B, tỉnh T.

(Những người làm chứng và người đại diện theo pháp luật của người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn Đ, Trần Tuấn T, Vũ Minh D1, Nguyễn Văn D2 và Trịnh Mạnh K là bạn bè hàng xóm của nhau, cùng sinh sống tại địa bàn huyện H.

Do tối ngày 05/4/2023 Đ, T, D1, D2, Kỳ (gọi tắt là nhóm H) đi đến sân Trung tâm Hội nghị thị xã Bim Sơn thuộc phường B, thị xã B chơi xảy ra xô xát với một nhóm thanh niên ở B trong đó có Phạm Trần Thế M và Bùi Quang K nên tối ngày 06/4/2023, sau khi uống rượu ở quán và cùng nhau đến cầu Hà Thanh chơi. Lúc này, có Đ, T, D1, D2 (không có K vì K vẫn đang ở quán rượu) thì Đ rủ “Đi sân trung tâm hội nghị Bim

Sơn ngồi mát coi có mấy thằng hôm qua không?”. Cả nhóm hiểu mục đích của Đ là đến Trung tâm Hội nghị thị xã Bim Sơn để tìm nhóm thanh niên đã trêu trọc vào tối hôm trước để giải quyết mâu thuẫn nên đã đồng ý. Đ nói với D1 “Về đón thằng K đi, tao với D2 về lấy con dao thủ rồi gặp nhau ở cầu Cải”. Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Lead, BKS 36B6-991.53 chở T đi đón K. D2 chở Đ về nhà Đ, Đại xuống bếp lấy 01 con dao mèo dài khoảng 60cm, lưỡi dao màu xám trắng, mũi nhọn, sắc một đầu, lưỡi dao dài khoảng 35cm, cán gỗ (là dao của D1 trước đó nhờ Đ giữ hộ) rồi cả hai quay lại cầu Cải. Một lúc sau thì D1 chở K, T đến. Đ đưa dao cho D1 bỏ vào cốp xe Lead. Sau đó cả nhóm cùng đi đến Trung tâm hội nghị thị xã B.

Cả nhóm ngồi chơi đến khoảng 20 giờ 30 phút tại sân Trung tâm Hội nghị thì gặp Đặng Minh H, Bùi Quang K, Lê Đức A, Nguyễn Anh T, Phạm Trần Thế M, Diệp Công T, Trương Nho K, Trần Đình V (gọi tắt là nhóm B) đi xe máy đến, soi đèn xe vào mặt nhóm của T. Sau đó, M nói “va nhau tý không?” (tức là đánh nhau không?). T nói lại “thằng nào nói đấy” và chửi nhóm của H. Nhóm B định lao vào đánh T nhưng K nói “Bạn em say rượu. Các anh thông cảm” nên nhóm B bỏ đi. Được một lúc, T bảo D1 đưa con dao mèo trong cốp xe máy cho T. D1 mở cốp xe lấy dao đưa cho T, T nói “đi theo chúng nó cho tao” (có nghĩa là đuổi theo chúng nó để đánh nhau). Cả nhóm hiểu ý của T nên đồng ý lên xe đi theo nhóm B. D1 cầm một chiếc gậy gỗ dài khoảng 1m mà trước đó D1 nhặt được ở bãi đất sân Trung tâm hội nghị kẹp ở chân trước người, phía sau chở T và K. D2 điều khiển xe mô tô Wave Anfa chở Đ. Trên đường đi từ Trung tâm Hội nghị đến ngã tư B, mặc dù trên đường rất đông người và xe cộ đi lại nhưng T vẫn rút dao cầm trên tay, vừa đi vừa múa dao và la hét “có tụi nó không”. Đ thấy vậy thì rút điện thoại di động ra quay lại.

Khi đi đến khu vực ngã tư B, Kỳ nhìn thấy nhóm B nên nói: “Bọn nó kia”. D1 lập tức quay xe lại, D2 cũng quay xe đuổi theo nhóm B. Lúc này, xe của H chở Đức A đi cùng xe của T đi lên trước, xe của K chở M và các xe còn lại đi sau. H và T dừng lại, dựng xe ở ngõ bên hông Điện lực quay lại nhìn thì thấy K chở M đi đến đoạn F88 thì dừng lại. K xuống xe nhặt đá đứng bên vỉa hè ném trúng xe của D1 nghe một tiếng kêu mạnh. D1 phóng xe đi lên dừng trước xe của K. Cả 03 xuống xe, D1 cầm gậy vụt một phát vào người K làm trầy xước da phía trên cùi trỏ trái, K cầm vỏ đựng dao ném trúng người M làm xước da tại vùng cổ tay, sau đó, D1 và K dùng đá ném nhóm của H. Thành cầm dao lùa đuổi theo K và M chém nhưng không trúng. Bị đuổi, K và M chạy ngược ra ngã tư về phía cầu vượt (hướng Thanh Hoá- Hà Nội). Không đuổi kịp K và M, T quay lại, tiếp tục nhặt gạch, đá ném những người còn lại trong nhóm B.

Lúc này, Đức A, H và T đang đứng ở ngõ bên hông Điện lực. Thấy vậy, Đức A chạy sang bên kia đường nhặt đá ném 02 lần vào nhóm H nhưng không trúng. Đức A bị D1 và T đuổi theo nên chạy lại về phía ngõ cạnh Điện lực. Thấy Đức A bị đuổi, T và H

cũng chạy lại nhặt đá ném nhóm H. T ném 02 lần, trong đó có 01 lần ném trúng mắt cá chân của T. H nhặt hòn gạch bi vỡ dài khoảng 10cm ở bên hông Điện lực, chạy đến mép vỉa hè ném vào D1 và D2. D1 và D2 nhặt hòn gạch ném lại H. Cả hai ném nhau nhưng không ai ném trúng ai. Trong lúc hai nhóm dùng gạch đá ném nhau khoảng 05 phút thì chỉ có Đ là đứng sau xe máy quan sát, không dùng gạch đá ném lại. Sau khi đuổi theo Đức A không được, T quay lại cùng với D2 lừa đuổi theo T và H. T và H lên xe bỏ chạy. D2 và T quay lại thì nghe Đ nói “trước kia có thằng, đuổi theo nó”. Cả nhóm nhìn thấy V đi xe đạp điện một mình liền đuổi theo V. D1 chở T và K; D2 chở Đ. Cả nhóm quay lại đường Trần Phú (hướng ngã tư B - Ba Đình). Trên đường đuổi theo V, T cầm dao (dao đã được cất vào trong vỏ) ở tay, vừa đi, vừa la hét, gậy của D1 đã bị văng ra ở ngã tư nên D1 không mang theo. Việt sợ hãi, tăng tốc xe bỏ chạy vào khu dân cư thuộc khu phố 5, phường B, thị xã B đến ngõ cụt nhảy lên mái nhà của một người dân lẫn trốn. Nhóm H đuổi tới nơi, đứng dưới la hét một lúc rồi phóng xe bỏ chạy về phía ngã tư Năm tầng rồi đi về nhà. Trên đường về, T đã vứt con dao trên đường, không rõ vị trí. Đến 19 giờ ngày 07/4/2023, Thành đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đầu thú, khai nhận hành vi của mình và đồng bọn như đã nêu trên.

*** Tài sản thu giữ gồm:**

- 01(một) xe mô tô nhãn hiệu honda Lead màu vàng nâu, BKS: 36B6-991.53 đã cũ;
- 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Wave an pha màu xanh đen bạc, BKS: 36B8-688.74 đã cũ;

* Ngày 17/4/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã B tiến hành khám xét đối với chỗ ở, đồ vật, tài sản của Trần Tuấn Th, Trương Văn Đ, Trịnh Mạnh K, Vũ Minh D1 và Nguyễn Văn D2, kết quả: Không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Đối với 01 con dao mèo mà T dùng, 01 gậy gỗ D1 dùng để lừa nhóm của H. Chiếc gậy gỗ bị rơi ở ngã tư Bim Sơn còn dao bị T ném trên đường về nhà. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy.

Vụ việc nêu trên xảy ra trong khoảng thời gian từ khoảng 21 giờ 25 phút đến 21 giờ 45 phút trên đoạn đường từ Trung tâm Hội nghị thị xã B đến ngã tư thị xã B và từ ngã tư thị xã B đến khu phố 5 phường B. Đây là trục đường giao thông chính của thị xã, tập trung đông người tham gia giao thông. Đặc biệt, do đoạn đường từ cầu Đo đạc đến ngã tư B đang thi công nên làn đường phía trước Điện lực Bim Sơn (hướng Ba Đình – ngã tư B) không lưu thông, tất cả tập trung đi bên làn đường hướng ngã tư B- Ba Đình nên đường hẹp, phương tiện lưu thông nhiều. Khi hai nhóm xảy ra xô xát, dùng gạch đá ném nhau, la hét, chửi bới, rất nhiều người dân hoang mang, lo sợ, không dám đi qua, đứng nép ven đường. Các đối tượng vừa đi vừa múa dao, lừa đuổi nhau, la hét trên đường, gây náo loạn khu dân cư. gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn. Đ diện Tổ dân phố và chính quyền địa phương hai phường Ngọc Trạo và Ba Đình đã có phản ảnh và

báo cáo đề nghị xử lý nghiêm minh hành vi của các đối tượng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, quá trình xảy ra xô xát, đánh nhau giữa hai nhóm thanh niên còn gây ra thương tích cho Phạm Trần Thế M, Bùi Quang K, Nguyễn Anh T mỗi người bị tổn thương cơ thể tỷ lệ 01%, còn Trần Tuấn T và Trần Đình V bị xây xước cơ thể. Các đối tượng sau khi điều trị đã ổn định, không yêu cầu xử lý hình sự, không yêu cầu bồi thường gì về hành vi “có ý gây thương tích”.

*** Xử lý tài sản thu giữ:**

- 01(một) xe mô tô nhãn hiệu honda Lead màu vàng nâu, BKS: 36B6-991.53 đã cũ và 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Wave an pha màu xanh đen bạc, BKS: 36B8-688.74 đã cũ. Quá trình điều tra, xác định là tài sản của chị Trương Thị D và chị Nguyễn Thị D, xe có giấy tờ hợp lệ. Khi D1 và D2 lấy xe đi chị Trương Thị D và chị Nguyễn Thị D không biết D1, D2 sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã trả các phương tiện trên cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

* Tại bản cáo trạng số: 30/CT-VKSBS ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bim Sơn truy tố các bị cáo Trương Văn Đ, Trần Tuấn T, Vũ Minh D1, Nguyễn Văn D2, Đặng Hoàng M về tội “ Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát duy trì công tố giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

a) Về trách nhiệm hình sự:

- Đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Trương Văn Đ, Trần Tuấn T, Vũ Minh D1, Nguyễn Văn D2, Đặng Minh H phạm tội ‘Gây rối trật tự công cộng’ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s, p khoản 1, 2 Điều 51, điểm 0 khoản 1 Điều 52, Điều 17, khoản 1 Điều 54, Điều 58, Điều 65 BLHS xử phạt Trương Văn Đ từ 18-24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36- 42 tháng.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS xử phạt Trần Tuấn T mức án tù: 25 tháng đến 27 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (07/4/2023).

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 5, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Minh D1 từ 15 - 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 - 36 tháng.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318, Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D2 từ 15 - 18 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65, Điều 91, Điều 101 BLHS xử phạt bị cáo Đặng Minh H 09- 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18-24 tháng.

* Xử lý tài sản thu giữ:

- 01(một) xe mô tô nhãn hiệu honda Lead màu vàng nâu, BKS: 36B6-991.53 đã cũ và 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Wave an pha màu xanh đen bạc, BKS: 36B8-688.74 đã cũ. Quá trình điều tra, xác định là tài sản của chị Trương Thị D và chị Nguyễn Thị D, xe có giấy tờ hợp lệ. Khi D1 và D2 lấy xe đi chị Trương Thị D và chị Nguyễn Thị D không biết D1, D2 sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã trả các phương tiện trên cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật nên đề nghị miễn xét.

b) Trách nhiệm dân sự: Phạm Trần Thế M, Bùi Quang K, Nguyễn Anh T mỗi người bị tổn thương cơ thể tỷ lệ 01%; Trần Tuấn T, Trần Đình V bị xây xước cơ thể. Các đối tượng sau khi điều trị đã ổn định, không yêu cầu xử lý hình sự, không yêu cầu bồi thường dân sự về hành vi “cố ý gây thương tích” nên miễn xét.

* Về án phí: Các bị cáo Trần Tuấn T, Vũ Minh D1, Nguyễn Văn D2, Đặng Minh H mỗi bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật. Bị cáo Trương Văn Đ được miễn nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý (viết tắt TGVPL) Nguyễn Thị Ngọc T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Đại đối đáp với VKS: TGVPL không đồng ý với đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng tính tiết tăng nặng quy định tại điểm 0 khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ đó là “ xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội”. Vì Đ là người khởi xướng rủ rê các bị cáo khác phạm tội nên đã phải chịu vai trò đầu vụ. Vì đã áp dụng bị cáo với vai trò đầu vụ nên không thể cùng áp dụng điểm 0 khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo. Nếu áp dụng điểm 0 khoản 1 Điều 52 BLHS như vậy quá nặng nên đề nghị HĐXX xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với TGVPL. Vì bị cáo Đ đã lôi kéo, xúi giục các bị cáo D1, D2 là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo Đ phải chịu tính tiết tăng nặng quy định tại Điểm 0 khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

* Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Ngọc T bào chữa cho bị cáo Trương Văn Đ thống nhất với tội danh và hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo. Tuy nhiên, TGVPL đề nghị HĐXX xem xét đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết giảm nhẹ khi lượng hình cho các bị cáo:

Thứ nhất, về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án hình sự Gây rối trật tự công cộng có tính chất đồng phạm giản đơn, TGVPL bào chữa miễn phí tham gia vào hành vi gây rối là do có mâu thuẫn nhỏ từ trước, được sự đồng ý của bạn bè của mình nên bị cáo đã có hành vi không thấu đáo, không suy nghĩ kỹ từ trước, bản thân khi tham gia cũng không nhận thức được hành vi của mình sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Vì vậy, TGVPL đề nghị HĐXX khi lượng hình phải đánh giá đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội để đưa ra một bản án khách quan, công bằng vừa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nhưng cũng thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam. Áp dụng hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo chủ yếu là giúp các bị cáo sau phiên tòa ngày hôm nay sẽ nhận thức được hành vi của mình là sai trái, có hướng cải tạo tốt, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Thứ hai: Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo: Trong toàn bộ quá trình điều tra, truy tố, và tại phiên tòa ngày hôm nay đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, nhận thức sâu sắc về hành vi sai trái của mình và mong được sự khoan hồng của pháp luật. Việc bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

- Bị cáo Trương Văn Đ là người khuyết tật nặng. Cũng ví lý do này, bị cáo có sự nhạy cảm hơn, dễ bị tổn thương hơn so với người bình thường, và đây cũng là là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 BLHS- bị cáo cho đến thời điểm thực hiện hành vi Gây rối trật tự công cộng là người chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, nhiệt tình năng nổ tham gia các phong trào của địa phương.

Từ những vấn đề đã nêu, TGVPL đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, điểm p khoản 1, khoản 2 điều 51, khoản 2 điều 318 BLHS, Điều 65 BLHS tuyên phạt bị cáo Trương Văn Đại mức án thấp nhất với đề nghị của vị đại diện VKS và cho hưởng án treo để bị cáo có cơ hội được lao động học tập phần đầu rèn luyện để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về án phí, kính đề nghị HĐXX xem xét quy định pháp luật để áp dụng đối với bị cáo.

* Trợ giúp viên pháp lý bà Lê Thị P bào chữa cho bị cáo Vũ Minh D1 và Nguyễn Văn D2 thống nhất với tội danh và hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo:

- Các bị cáo Vũ Minh D1 và Nguyễn Văn D2 thực hiện hành vi phạm tội khi còn đang trong độ tuổi vị thành niên. Ở độ tuổi này, các cháu còn nhiều hạn chế về mặt nhận

thức xã hội và nhận thức pháp luật; dễ bị bạn bè lôi kéo, rủ rê do thích nổi loạn, thích thể hiện. Sự thiếu quan tâm, giám sát của gia đình cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến các cháu có những hành vi vi phạm pháp luật. Đây cũng là hồi chuông cảnh cáo cho những bậc làm cha, làm mẹ vì đã thiếu sự quan tâm, giám sát, giáo dục con cái để các cháu phải chịu phán quyết của pháp luật khi tuổi đời còn quá trẻ.

- Bản thân các bị cáo tính đến thời điểm phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

- Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo Vũ Minh D1 và Nguyễn Văn D2 luôn thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn, hối cải nên đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS- người phạm tội thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải;

- Ông ngoại của D1 là người có công với cách mạng, bản thân ông đã góp một phần xương máu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, bảo vệ Tổ Quốc. Trợ giúp viên pháp lý kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để coi đây là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để áp dụng cho bị cáo;

- Bản thân Vũ Minh D1 đang là học sinh cấp 3, theo học tại trường THPT Hà Trung. Trong quá trình học tập tại trường và sinh sống tại địa phương, luôn chấp hành tốt nội quy của nhà trường và đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước;

- Tính đến thời điểm phạm tội, cả Vũ Minh D1 và Nguyễn Văn D2 đều chưa đủ 18 tuổi, vì vậy, khi lượng hình, đề nghị HĐXX áp dụng các quy định về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 91 BLHS và các văn bản pháp luật khác để áp dụng.

Bản thân các bị cáo thực hiện hành vi đồng phạm giản đơn, đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, cảm thấy ăn năn hối cải về hành vi của mình gây ra nên TGVPL cũng mong muốn HĐXX cho các bị cáo cơ hội để sửa chữa sai lầm, tiếp tục ở ngoài để học tập và làm việc, trở thành công dân có ích cho xã hội. Vì vậy, TGVPL đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 65 cho các bị cáo được hưởng một mức án thấp nhất so với mức Viện kiểm sát đề nghị và được hưởng án treo. Điều đó, vừa thể hiện tính nghiêm minh, khách quan của pháp luật nhưng đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng, giáo dục, giúp cháu sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa TGVPL Nguyễn Thị Q vắng mặt và có bài phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Đặng Minh H.

TGVPL Nguyễn Thị Q bào chữa cho bị cáo Đặng Minh H thống nhất với tội danh và hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo:

Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, tham gia tố tụng, tiếp xúc với bị cáo, xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của nhân chứng, vật chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. TGVPL hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố của vị đại diện viện kiểm sát về tội danh: "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại điểm b, khoản 2 điều 318 BLHS của bị cáo Đặng Minh H.

Về TNHS của bị cáo: Bị cáo H còn rất trẻ tuổi, bị cáo H sinh ngày 03 tháng 7 năm 2006 tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo mới hơn 16 tuổi. Ngày hôm nay bị cáo phải đứng trước bức khai báo, đối diện với khung hình phạt của pháp luật là một việc thực sự rất đau lòng và đáng tiếc.

Bị cáo ở cái tuổi ăn còn chưa no lo còn chưa tới, cha mẹ đang còn phải chăm sóc bảo ban nhắc nhở từng việc. Tuổi mà các nhà tâm sinh lý phân tích là “tuổi nổi loạn” - thích thể hiện, a dua theo bạn bè, làm người lạ với những gì cha mẹ, thầy cô dạy bảo. Các bị cáo chưa phát triển đầy đủ về thể chất, tâm sinh lý lại thêm nhận thức pháp luật còn yếu kém nên chưa thể nhận thức được đầy đủ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình gây ra. Chỉ vì ham chơi, thích thể hiện tính anh hùng rơm, không sợ sệt mà bị cáo đã có hành động sai lầm. Bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng những quy định của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Chương XII BLHS 2015.

Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Các bị cáo trong vụ án này là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, câu kết chặt chẽ. Nhóm H có vai trò chính, khởi xướng vụ việc. Nhóm B là nhóm tham gia sau bộc phát khi bị nhóm H tìm đánh, trong đó bị cáo H tham gia trong vụ án này với vai trò thứ yếu, bộc phát thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng, bị cáo không gây thương tích cho ai cũng như không ai gây thương tích cho bị cáo. Điều này cũng làm giảm nhẹ đi phần nào tính nguy hiểm trong hành vi phạm tội của Đặng Minh H. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS cho bị cáo Hoàng.

Áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s, khoản 1 điều 51 cho bị cáo Hoàng: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo một cách rõ ràng toàn bộ diễn biến, đồng thời cũng rất ăn năn, hối hận về việc làm của mình và mong muốn nhận được sự khoan hồng của pháp luật.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo H vì có ông nội là ông Đặng Văn C là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba trong công cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc. Hơn nữa trong quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo cùng gia đình luôn chấp hành tốt các hoạt động phong trào của địa phương, bản thân bị cáo tích cực tham gia các

hoạt động thể thao lành mạnh và mẹ bị cáo cùng gia đình có đóng góp tích cực trong công tác phòng chống covid và được địa phương xác nhận.

Bị cáo trình độ văn hóa thấp lại thêm nhận thức pháp luật còn hạn chế, không nhận thức hết được hành vi nguy hiểm của mình nên đã gây ra hành vi phạm tội. Bị cáo Đặng Minh Hoàng là người dưới 18 tuổi, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi nơi cư trú cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Do vậy, TGVPL đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s, Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65, Điều 91, Điều 17 BLHS tuyên phạt bị cáo Đặng Minh H mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát và cho hưởng án treo.

Về án phí và vật chứng: đề nghị HĐXX áp dụng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, tỉnh T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh T, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Đ, T, D1, D2, H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng thời gian từ 21 giờ 25 phút đến 21 giờ 45 phút ngày 06/4/2023, tại ngã tư Bím Sơn (thuộc khu 2, phường N, thị xã B) và trên trục đường từ Trung tâm Hội nghị thị xã B đến ngã tư B và từ ngã tư B đến khu phố 5, phường B, thị xã B, nhóm thanh niên ở huyện H gồm: Trần Tuấn T, Trương Văn Đ, Vũ Minh D1, Nguyễn Văn D2 và Trịnh Mạnh K có hành vi hò hét, dùng dao, gây đi trên xe máy rượt đuổi nhau trên đường. Sau đó, dùng gạch, đá ném nhau với nhóm thanh niên B gồm Đặng Minh H,

Nguyễn Anh T, Phạm Trần Thế M, Lê Đức A, Trương Nho K, Diệp Công T, Trần Đình V và Bùi Quang K làm mất trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Hành vi của các bị cáo Trương Văn Đ, Trần Tuấn T, Vũ Minh D1, Nguyễn Văn D2, Đặng Minh H đã đủ yếu tố cấu thành tội " Gây rối trật tự công cộng" tội phạm và hình phạt được quy định và xử lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS.

[3] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân và dư luận xấu trong xã hội. Do vậy, cần xử lý nghiêm các bị cáo bằng luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

* Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo HĐXX thấy: Đây là vụ án đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo nhóm H có vai trò chính, trong đó Trương Văn Đ là người khởi xướng và về nhà lấy dao thủ sẵn mang theo nên có vai trò đầu vụ. Trần Tuấn T là người tiếp nhận ý chí khi Đ khởi xướng đi ra Bím Sơn, là người thực hành tích cực cầm dao múa, hò hét, rượt đuổi trên đường nên có vai trò thứ hai. Vũ Minh D1 tiếp nhận ý chí từ Đ, là người đưa dao cho bị cáo T, dùng gậy vục một phát vào người Bùi Quang K, dùng gạch đá ném vào nhóm B nên giữ vai trò thứ ba, Nguyễn Văn D2 là người chở Đ về nhà lấy dao đồng thời điều khiển xe máy chở Đ cùng với D1, T, K tìm nhóm B để sau đó rượt đuổi nhau trên đường phố nên D2 có vai trò giúp sức tích cực và D2 giữ vai trò thứ tư. Đặng Minh H bột phát thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng, hành vi thực hiện không quyết liệt, có vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án, tuy nhiên năm 2021 H đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích bằng hình thức cảnh cáo bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội. Do đó, khi quyết định hình phạt cần án dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của các bị cáo đã thực hiện mới đủ tác dụng trừng trị, răn đe, giáo dục các bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt HĐXX cần xem xét đến vai trò nhân thân, những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

- Tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo Đ, T, D1, D2, H đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

+ Riêng đối với bị cáo Đại còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ đó là bị cáo “là người khuyết tật nặng”, bị cáo có bố được tặng giấy khen đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2001, có ông nội là Trương Văn M đã tham gia quân đội từ tháng 2/1966 đến tháng 7/1972 chiến đấu tại mặt trận phía nam trong kháng chiến chống mỹ cứu nước và tại địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

+ Bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là đầu thú;

+ Bị cáo D1 có ông ngoại Trương Quang X được thưởng huân chương chiến công hạng nhất và đã có thành tích phục vụ Quân đội nhân dân Việt Nam. Quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo D1 luôn chấp hành tốt mọi nội quy, quy định của xã, của thôn, không có vi phạm đạo đức, lối sống và pháp luật, gia đình luôn chấp hành tốt mọi quy định của địa phương, luôn tích cực tham gia các phong trào công tác đoàn thể, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo H phạm tội có vai trò không đáng kể trong vụ án nên cần áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có ông nội Đặng Văn C được Hội đồng nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhất và chủ tịch nước thưởng huân chương kháng chiến hạng ba. Bị cáo đã có các hoạt động phong trào do địa phương tổ chức và cũng đem thành tích về cho địa phương. Cụ thể năm 2016 bị cáo được giải nhì cuộc thi cầu lông của thị xã Bim Sơn tổ chức. Bị cáo tích cực tham gia các hoạt động thể thao lành mạnh. Vì vậy, bị cáo Hoàng được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo Đ, H có 03 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo D1 có 02 tình tiết giảm nhẹ, đều là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử dưới khung hình phạt cho các bị cáo là phù hợp. Điều đó cũng thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước và nguyên tắc áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội, từ đó cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội. Vì vậy, các bị cáo có khả năng tự cải tạo ngoài xã hội nên không cần buộc phải chấp hành hình phạt tù giam mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đồng thời giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Những hình phạt

này đảm bảo mức độ răn đe phù hợp với hành vi của các bị cáo và cũng thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

Bị cáo Trần Tuấn T là người đã thành niên có 02 tình tiết giảm nhẹ, nhưng do sống xa cha mẹ (bố mẹ bị cáo đang sinh sống ở tỉnh Bình Dương, bị cáo sống cùng bà ở huyện H) do đó bị cáo thiếu sự quan tâm, dạy dỗ, uốn nắn, quản lý của cha mẹ trong việc phát triển nhận thức và ý thức chấp hành kỷ cương pháp luật. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tích cực, không có nơi cư trú rõ ràng nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Đối với D2 tuy chưa đủ 18 tuổi, hạn chế về nhận thức pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi. Vì vậy, bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “*có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự*”. Vì vậy, buộc bị cáo D2 phải chấp hành hình phạt tù giam mới có tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt phải đảm bảo nguyên tắc áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội cho bị cáo mức án phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự: 01(một) xe mô tô nhãn hiệu honda Lead màu vàng nâu, BKS: 36B6-991.53 đã cũ và 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Wave an pha màu xanh đen bạc, BKS: 36B8-688.74 đã cũ. Quá trình điều tra, xác định là tài sản của chị Trương Thị D và chị Nguyễn Thị D, xe có giấy tờ hợp lệ. Khi D1 và D2 lấy xe đi chị Trương Thị D và chị Nguyễn Thị D không biết D1, D2 sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã trả các phương tiện trên cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật nên HĐXX miễn xét.

[6] Đối với Trịnh Mạnh K, Bùi Quang K, Nguyễn Anh T, Lê Đức A cùng tham gia gây rối trật tự công cộng với các bị can. Do Trịnh Mạnh K sinh ngày 20/5/2008, Bùi Quang K sinh ngày 24/8/2007, Nguyễn Anh T sinh ngày 16/8/2007, Lê Đức A sinh ngày 18/10/2007 đến thời điểm thực hiện hành vi chưa đủ 16 tuổi nên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017, K, K, T, Đức A không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại Điều 318 BLHS. Cơ quan Công an đã xử phạt hành chính là phù hợp.

Phạm Trần Thế M (sinh ngày 18/9/2007) bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khiêu khích, trêu ghẹo người khác quy định tại Điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021.

Đối với những người còn lại trong nhóm B như Diệp Công T, Trương Nho K, Trần Đình V không tham gia vào việc xô xát, đánh nhau. Khi bị nhóm H lừa đánh thì cả ba bỏ chạy. Vì thế, Cơ quan Công an không xử lý đối với họ là phù hợp.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng điểm 0 khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Đ, HĐXX thấy Đ là người khởi xướng rủ rê người dưới 18 tuổi phạm tội, tuy nhiên Đ đã bị khởi tố với vai trò đầu vụ. Nếu áp dụng điểm 0 khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Đ là quá nặng. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận áp dụng điểm 0 khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Đại.

[8] Án phí HSST các bị cáo T, D1, D2, H phải nộp án phí HSST. Bị cáo Được miễn nộp tiền án phí HSST vì có đơn đề nghị miễn án phí và thuộc trường hợp miễn án phí HSST vì là người khuyết tật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 50, khoản 1 Điều 54, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự (đối với Đại);

- Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 50, Điều 58 Bộ luật hình sự (đối với Thành);

- Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 12, 17, 50, 58 và Điều 65, Điều 91, khoản 4 Điều 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự (đối với Dương);

- Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 12, 17, Điều 38, 50, Điều 58, Điều 91, khoản 4 Điều 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự (đối với Duy);

- Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 12, 50, khoản 1 Điều 54, 65, Điều 91, khoản 4 Điều 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự (đối với Hoàng);

*** Tuyên bố:** Các bị cáo Trương Văn Đ, Trần Tuấn T, Vũ Minh D1, Nguyễn Văn D2 và Đặng Minh H (tên gọi khác: Bi béo) phạm tội “ Gây rối trật tự công cộng”.

- **Xử phạt:** Trần Tuấn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 07/4/2023.

- **Xử phạt:** Nguyễn Văn D2 15 (mười lăm) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- **Xử phạt:** Trương Văn 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/8/2023).

- **Xử phạt:** Vũ Minh D1 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/8/2023).

- **Xử phạt:** Đặng Minh H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/8/2023).

Giao bị cáo Trương Văn Đ và Vũ Minh D1 cho UBND xã H, huyện H, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đặng Minh H cho UBND phường N, thị xã B, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

* **Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 21, Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo buộc các bị cáo T, D1, D2, H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đ không phải nộp án phí HSST vì là người khuyết tật.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, trợ giúp viên pháp lý bà Nguyễn Thị Ngọc T và bà Lê Thị P và người đại diện theo pháp luật của các bị cáo Đ, D1, H. Vắng mặt trợ giúp viên pháp lý bà Nguyễn Thị Q và người đại diện theo pháp luật của bị cáo Duy.

Các bị cáo, người bào chữa có mặt và người đại diện theo pháp luật của các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/8/2023). Trợ giúp viên pháp lý và người đại diện theo pháp luật vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã Bim sơn;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Nhà tạm giữ, tạm giam;
- CA huyện Hà Trung;
- CQĐT Công an thị xã Bim Sơn;
- CQ Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TỔNG THỊ HÀ

- *Người đại diện theo pháp luật;*
- *Trợ giúp viên pháp lý;*
- *Phòng giám đốc án;*
- *THA Dân sự TX Bỉnh sơn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

